

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 284 /2012/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích trong lĩnh vực thể thao, văn hoá - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo và thông tin - truyền thông

UBND. HUYỆN TÂN YÊN
Số: 2869
ĐẾN Ngày: 17/9/2012
Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;
Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005;
Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;
Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ;
Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;
Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 132/TTr-SNV ngày 16/8/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích trong lĩnh vực thể thao, văn hoá - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo và thông tin - truyền thông.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 83/2007/QĐ-UBND ngày 24/9/2007 của UBND tỉnh về chế độ khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đoạt giải trên lĩnh vực văn hoá - thông tin, thể dục - thể thao, giáo dục - đào tạo và hoạt động báo chí.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *72*

- Như Điều 3 (SNV 03 bản);
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP TU, các cơ quan thuộc Tỉnh uỷ;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- UBMTTQ, các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các phòng, TT thuộc VP;
 - + Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

DÁNH CHỮ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh

UBND HUYỆN TÂN YÊN
VĂN PHÒNG

SAO Y

Số: *196*.../SL-VP

Tân yên, ngày *18*...tháng 9 năm 2012

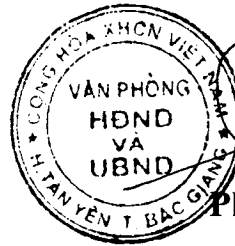
Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- TTHU, HỖND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện ủy;
- UBMTTQ, các Đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Đảng ủy, UBND các xã, TT;
- LĐVP, các CV.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



[Handwritten signature]
Phạm Văn Dũng

QUY ĐỊNH

**Khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích
trong lĩnh vực thể thao, văn hoá - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo
và thông tin - truyền thông**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 284/2012/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 9 năm 2012 của UBND tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đối tượng, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng và nguồn kinh phí khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích trong lĩnh vực thể thao, văn hoá - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo và thông tin - truyền thông. Những nội dung khác về khen thưởng không điều chỉnh trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tập thể, cá nhân và người trực tiếp bồi dưỡng, đào tạo tập thể, cá nhân được cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh cử tham gia và đạt thành tích tại các cuộc thi, giải đấu, giải xét, đại hội, tranh cúp, liên hoan, triển lãm, hội thi, hội diễn (gọi chung là cuộc thi) chính thức cấp quốc gia, khu vực quốc gia, cấp tỉnh trong lĩnh vực thể thao, văn hoá - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo và thông tin - truyền thông;

b) Cá nhân có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong thành phần các đội tuyển (đoàn) quốc gia đạt thành tích tại các cuộc thi chính thức của quốc tế, khu vực quốc tế trong lĩnh vực thể thao, văn hoá - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo và thông tin - truyền thông.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cuộc thi quốc tế là cuộc thi được tổ chức trên phạm vi toàn thế giới.
2. Cuộc thi khu vực quốc tế là cuộc thi được tổ chức trên phạm vi một khu vực Châu lục, Châu lục hoặc liên Châu lục.
3. Cuộc thi quốc gia là cuộc thi được tổ chức trên phạm vi toàn quốc.
4. Cuộc thi khu vực quốc gia là cuộc thi được tổ chức trên phạm vi khu vực hoặc liên khu vực trong nước.

5. Cuộc thi cấp tỉnh là cuộc thi do UBND tỉnh tổ chức (hoặc các cuộc thi có quy chế hay điều lệ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và nhất trí cho tổ chức).

Điều 3. Nguyên tắc khen thưởng

1. Việc khen thưởng phải đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, kịp thời đúng thành tích và đối tượng.

2. Tập thể, cá nhân đã được Trung ương khen thì Chủ tịch UBND tỉnh chỉ thưởng tiền khuyến khích, không tặng Bằng khen.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Bằng khen

1. Trong năm Chủ tịch UBND tỉnh xem xét tặng Bằng khen một lần cho một đối tượng đạt thành tích trong các cuộc thi. Riêng trường hợp đạt thành tích xuất sắc tại các cuộc thi quốc tế và khu vực quốc tế do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc tặng Bằng khen, nhưng không quá 03 lần trong năm.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy định này được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen kèm tiền thưởng theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ khi đạt một trong các điều kiện sau:

a) Đạt huy chương vàng, bạc, đồng (hoặc giải nhất, nhì, ba) trong các cuộc thi khu vực quốc tế, quốc tế;

b) Đạt huy chương vàng (giải nhất) hoặc 02 giải từ huy chương đồng (giải ba) trở lên trong các cuộc thi chính thức cấp quốc gia, khu vực quốc gia;

c) Đạt 02 giải từ huy chương đồng (giải ba) trở lên, trong đó có 01 giải nhất hoặc huy chương vàng cuộc thi cấp tỉnh.

Điều 5. Thưởng tiền

1. Chủ tịch UBND tỉnh thưởng tiền khuyến khích cho đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy định này khi được cử tham gia các cuộc thi trong phạm vi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia và khu vực quốc gia đạt huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải nhất, nhì, ba và khuyến khích; tham gia các cuộc thi cấp tỉnh đạt huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải nhất, nhì, ba và khuyến khích.

Giải báo chí Thân Nhân Trung thưởng cho tác giả có tác phẩm đoạt giải đặc biệt; giải A, B, C và giải khuyến khích.

2. Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được tính theo hệ số (số lần) mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định. Tiền thưởng sau khi nhân hệ số tương ứng với mức lương tối thiểu chung được làm tròn số hàng trăm nghìn đồng tiền Việt Nam. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thưởng tiền vào thời điểm nào thì áp dụng mức lương tối thiểu chung tại thời điểm đó để tính tiền thưởng.

3. Trong cùng một thời điểm, tại một cuộc thi, mỗi tập thể, cá nhân đạt được nhiều giải thưởng có nội dung thi khác nhau thì được nhận tiền thưởng của tất cả các

giải thưởng. Giáo viên, huấn luyện viên đào tạo, bồi dưỡng cho tập thể, cá nhân đạt nhiều giải thưởng thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng của giải cao nhất cộng với 1/2 tổng mức thưởng của các giải còn lại, nhưng tổng số tiền thưởng không vượt quá ba lần tiền thưởng giải cao nhất.

Điều 6. Mức thưởng trong lĩnh vực thể thao

1. Mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc tế, khu vực quốc tế được tính như sau:

STT	Tên cuộc thi	Thành tích		
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
1	Đại hội Olympic	48 lần	24 lần	18 lần
2	Đại hội Olympic trẻ	18 lần	09 lần	7,5 lần
3	Giải thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Olympic)	25,5 lần	13,5 lần	10,5 lần
4	Giải thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại)	18 lần	10,5 lần	09 lần
5	Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD);	21 lần	10,5 lần	09 lần
6	Đại hội Thể thao trong nhà Châu Á (Indoor Games)	15 lần	7,5 lần	06 lần
7	Giải châu Á hoặc cúp Châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm I (các môn thể thao trong chương trình thi đấu của Olympic)	18 lần	09 lần	7,5 lần
8	Giải Châu Á hoặc cúp Châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thi còn lại)	15 lần	7,5 lần	06 lần
9	Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	13,5 lần	7,5 lần	06 lần
10	Giải Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I (các môn trong chương trình thi đấu của Olympic)	12 lần	06 lần	4,5 lần
11	Giải Đông Nam Á từng môn nhóm II (các môn thể thao còn lại)	09 lần	4,5 lần	03 lần

Vận động viên phá kỷ lục so với thành tích cao nhất trong lịch sử cuộc thi đó thì thưởng thêm bằng 30% mức thưởng tương ứng của vận động viên đoạt huy chương vàng.

2. Vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao trẻ thế giới, Châu Á, Đông Nam Á được thưởng bằng 30% mức thưởng quy định tại khoản 1 Điều này (trừ Đại hội Olympic trẻ).

3. Vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên thế giới, Châu Á, Đông Nam Á được thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Mức thưởng đối với các cuộc thi đấu thể thao trong nước như sau:

STT	Tên cuộc thi	Thành tích		
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
1	Giải quốc gia hoặc Đại hội thể dục thể thao toàn quốc	6,5 lần	4,5 lần	02 lần
2	Giải trẻ quốc gia, giải chính thức các bộ môn khu vực quốc gia	3,5 lần	02 lần	01 lần
3	Giải toàn quốc dành cho học sinh, sinh viên; Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc	02 lần	01 lần	0,7 lần
4	Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh; giải thể thao khu vực quốc gia, cấp tỉnh dành cho học sinh, sinh viên	01 lần	0,8 lần	0,7 lần

Vận động viên phá kỷ lục so với thành tích cao nhất trong lịch sử cuộc thi đó thì thưởng thêm bằng 30% mức thưởng tương ứng của vận động viên đoạt huy chương vàng.

5. Đối với các môn thể thao tập thể, số lượng vận động viên được thưởng khi đạt thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với mức thưởng đối vận động viên đạt giải tương ứng.

6. Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi) mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng đối với một vận động viên đạt giải tương ứng.

7. Số lượng vận động viên các môn thể thao tập thể, môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội được xác định theo thực tế nhưng không nhiều hơn so với quy định của điều lệ giải.

8. Mức thưởng đối với huấn luyện viên:

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích tại các nội dung thi đấu cá nhân tiền thưởng bằng mức thưởng đối với vận động viên. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển hưởng 40% (tính cho 01 huấn luyện viên);

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập được thành tích, tiền thưởng cho huấn luyện viên bằng mức thưởng đối với vận động viên. Số lượng huấn

luyện viên của các đội thi đấu được quy định như sau: Đội thuộc môn thi đấu có quy định từ 2 đến 5 vận động viên mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; đội thuộc môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu mức thưởng chung tính cho không quá 02 huấn luyện viên; đội thuộc môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên mức thưởng chung tính cho không quá 03 huấn luyện viên;

c) Mức thưởng chung cho huấn luyện viên các môn thi đấu đồng đội bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại điểm b, khoản 8 Điều này nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

9. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật Đông Nam Á, Châu Á, thế giới và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng của vận động viên, huấn luyện viên quy định tại các khoản 1,4,5,6,7 và 8 Điều này.

Điều 7. Mức thưởng trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo

1. Mức thưởng đối với học sinh, sinh viên đang học ở các trường trung học phổ thông, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và cơ sở dạy nghề đạt thành tích trong kỳ thi Olympic quốc tế các môn học và kỹ năng nghề quốc tế như sau:

STT	Huy chương	Mức thưởng
1	Giải nhất (Huy chương vàng)	48 lần
2	Giải nhì (Huy chương bạc)	24 lần
3	Giải ba (Huy chương đồng)	18 lần
4	Giải khuyến khích	05 lần

2. Mức thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đang học ở các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và cơ sở dạy nghề đạt thành tích trong kỳ thi Olympic khu vực quốc tế các môn học và kỹ năng nghề khu vực quốc tế như sau:

STT	Tên cuộc thi	Thành tích			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Khuyến khích
1	Kỳ thi Châu Á (hoặc Châu Á - Thái Bình Dương)	21 lần	10,5 lần	09 lần	02 lần
2	Kỳ thi Đông Nam Á	13,5 lần	7,5 lần	06 lần	1,5 lần

3. Mức thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đang học ở các trường tiểu học, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và cơ sở dạy nghề đạt thành tích trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, Olympic quốc gia các môn học và kỹ năng nghề quốc gia như sau:

STT	Huy chương	Mức thưởng
1	Giải nhất (Huy chương vàng)	6,5 lần
2	Giải nhì (Huy chương bạc)	4,5 lần
3	Giải ba (Huy chương đồng)	02 lần
4	Giải khuyến khích	01 lần

4. Mức thưởng đối với học sinh, học viên đang học ở các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên đạt thành tích trong kỳ thi khu vực quốc gia, cấp tỉnh các môn văn hoá như sau:

STT	Huy chương	Mức thưởng
1	Giải nhất (Huy chương vàng)	01 lần
2	Giải nhì (Huy chương bạc)	0,8 lần
3	Giải ba (Huy chương đồng)	0,7 lần
4	Giải khuyến khích	0,3 lần

5. Giáo viên trực tiếp đào tạo học sinh, sinh viên đạt thành tích được thưởng trong các cuộc thi có mức thưởng chung tính bằng mức thưởng đối với học sinh, sinh viên. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: giáo viên trực tiếp đào tạo trong thời gian tập trung hưởng 60%, giáo viên trực tiếp đào tạo học sinh, sinh viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển hưởng 40%. Đối với tập thể giáo viên tham gia bồi dưỡng cho học viên đạt giải thì việc phân chia tỷ lệ tiền thưởng cho các giáo viên do lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý căn cứ vào phân công lao động hoặc mức độ tham gia bồi dưỡng để quyết định.

Điều 8. Mức thưởng trong lĩnh vực văn hoá - nghệ thuật

1. Mức thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích trong cuộc thi nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp hội diễn, liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc như sau:

STT	Huy chương	Tập thể	Cá nhân
1	Giải nhất (Huy chương vàng)	09 lần	6,5 lần
2	Giải nhì (Huy chương bạc)	6,5 lần	04 lần
3	Giải ba (Huy chương đồng)	4,5 lần	02 lần

Các tiết mục song ca, tam ca, đồng ca đạt các giải vàng, bạc, đồng thì thưởng bằng mức thưởng của giải cá nhân; tiết mục hợp xướng (được Hội đồng hoặc Ban giám khảo xác định) mức thưởng bằng 1,5 lần mức thưởng của giải tập thể tương ứng.

2. Mức thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích trong cuộc thi nghệ thuật biểu diễn không chuyên toàn quốc và các cuộc thi nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp cấp khu vực quốc gia như sau:

STT	Huy chương	Tập thể	Cá nhân
1	Giải nhất (Huy chương vàng)	4,5 lần	02 lần
2	Giải nhì (Huy chương bạc)	2,5 lần	1,5 lần
3	Giải ba (Huy chương đồng)	02 lần	01 lần

Các tiết mục song ca, tam ca, đồng ca đạt các giải vàng, bạc, đồng thì thưởng bằng mức thưởng của giải cá nhân; tiết mục hợp xướng (được Hội đồng hoặc Ban giám khảo xác định) mức thưởng bằng 1,5 lần mức thưởng của giải tập thể tương ứng.

3. Mức thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích trong cuộc thi nghệ thuật biểu diễn không chuyên cấp khu vực quốc gia như sau:

STT	Huy chương	Tập thể	Cá nhân
1	Giải nhất (Huy chương vàng)	2,5 lần	1,5 lần
2	Giải nhì (Huy chương bạc)	02 lần	01 lần
3	Giải ba (Huy chương đồng)	01 lần	0,5 lần

4. Đối với học sinh, sinh viên và tập thể học sinh, sinh viên đạt thành tích trong các cuộc thi văn nghệ cấp toàn quốc được thưởng mức bằng mức thưởng quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Học sinh, sinh viên và tập thể học sinh, sinh viên đạt thành tích trong các cuộc thi văn nghệ cấp khu vực các tỉnh được thưởng mức bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Mức thưởng trong lĩnh vực văn học - nghệ thuật

Tác giả hoặc nhóm tác giả có tác phẩm đạt thành tích tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm, sáng tác mỹ thuật, nhiếp ảnh, văn nghệ dân gian, kiến trúc, âm nhạc, múa, kịch bản sân khấu, điện ảnh, văn học, lý luận phê bình, mức thưởng như sau:

STT	Cuộc thi	Giải nhất (HCV)	Giải nhì (HCB)	Giải ba (HCD)	Giải KK
1	Quốc tế	13 lần	09 lần	04 lần	01 lần
2	Khu vực quốc tế	10 lần	07 lần	03 lần	1,5 lần
3	Quốc gia	6,5 lần	4,5 lần	02 lần	01 lần
4	Khu vực quốc gia	4,5 lần	2,5 lần	01 lần	0,5 lần
5	Cấp tỉnh	01 lần	0,8 lần	0,7 lần	0,5 lần

Đối với nhóm tác giả đạt thành tích thì tỷ lệ phân chia do các thành viên trong nhóm quyết định theo công sức đóng góp.

Điều 9. Mức thưởng trong lĩnh vực thông tin - truyền thông

1. Mức thưởng cho tác giả (hoặc nhóm tác giả) có tác phẩm đoạt giải báo chí Thân Nhân Trung của tỉnh như sau:

STT	Loại hình	Giải đặc biệt	Giải A	Giải B	Giải C	Giải KK
1	Báo hình	12 lần	10 lần	08 lần	06 lần	03 lần
2	Báo in, Báo phát thanh, Báo điện tử	10 lần	08 lần	06 lần	04 lần	02 lần
3	Ảnh báo chí	06 lần	04 lần	02 lần	01 lần	0,5 lần

Mức thưởng cho tác giả (hoặc nhóm tác giả) có tác phẩm đoạt giải báo chí quốc gia bằng 130%; giải báo chí theo ngành dọc trung ương tổ chức bằng 100% mức thưởng của giải báo chí Thân Nhân Trung.

2. Mức thưởng trong cuộc thi thuộc lĩnh vực tin học như sau:

a) Mức thưởng đối với học viên

STT	Cuộc thi	Giải nhất (HCV)	Giải nhì (HCB)	Giải ba (HCD)	Giải KK
1	Quốc tế	13 lần	09 lần	04 lần	01 lần
2	Khu vực quốc tế	10 lần	07 lần	03 lần	1,5 lần
3	Quốc gia	6,5 lần	4,5 lần	02 lần	01 lần
4	Khu vực quốc gia	4,5 lần	2,5 lần	01 lần	0,5 lần
5	Cấp tỉnh	01 lần	0,8 lần	0,7 lần	0,5 lần

b) Giáo viên trực tiếp tham gia bồi dưỡng cho học viên đạt thành tích trong các cuộc thi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia và cấp tỉnh được thưởng tương ứng mức thưởng như học viên. Tập thể giáo viên tham gia bồi dưỡng cho học viên đạt thành tích thì việc phân chia tỷ lệ tiền thưởng cho giáo viên do lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý căn cứ vào phân công lao động hoặc mức độ tham gia bồi dưỡng.

Điều 10. Thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Thành phần hồ sơ:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được khen thưởng;

b) Bản sao điều lệ giải hoặc thể lệ cuộc thi;

c) Bản sao giấy chứng nhận thành tích hoặc quyết định công nhận của Ban Tổ chức giải;

d) Bản sao Quyết định tổ chức cuộc thi hoặc quy chế hay điều lệ cuộc thi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt (đối với các cuộc thi cấp tỉnh).

2. Trình tự khen thưởng:

a) Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tập thể, cá nhân được cử tham dự cuộc thi thuộc lĩnh vực ngành quản lý có trách nhiệm thiết lập 02 bộ hồ sơ đề nghị khen thưởng, nộp tại Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ).

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc (thời hạn là 10 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh);

c) Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị khen thưởng;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, Sở Nội vụ thông báo và trả kết quả cho đơn vị trình khen.

Điều 11. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện các mức thưởng theo Quy định này được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng cho các trường hợp khác đạt thành tích trong lĩnh vực thể thao, văn hoá - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo và thông tin - truyền thông.

2. Ngoài hình thức khen thưởng tại Quy định này, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được sử dụng các hình thức động viên, khuyến khích khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

3. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng), để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.//

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Linh
Nguyễn Văn Linh